TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 8 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quang Kim Cúc.

2. Ông Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 -Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Phan Bích Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Cẩm N, sinh năm 1987; Địa chỉ: số H, ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1987; Địa chỉ: số H, ấp A, xã L, tỉnh Đồng Tháp, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2025 nguyên đơn Lê Thị Cẩm N trình bày:* Chị N và anh T cưới nhau vào năm 2014, đến năm 2015 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 074 ngày 20/5/2015. Sau kết hôn, chị N và anh T sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên vợ chồng đã xa nhau và ly thân từ năm 2019 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên chị Lê Thị Cẩm N yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Quá trình sống chung thì chị N và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bảo T1, sinh ngày 11/9/2015, hiện đang sống với chị N. Chị N

yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu T1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2025 bị đơn Nguyễn Văn T trình bày: Thời gian kết hôn, ly thân, con chung đúng như chị N trình bày. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên anh Nguyễn Văn T đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Cẩm N. Quá trình sống chung thì anh T và chị N có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bảo T1, sinh ngày 11/9/2015, hiện đang sống với chị N, anh T đồng ý giao cháu T1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Cho chị Lê Thị Cẩm N ly hôn với anh Nguyễn Văn T; Về con chung: 01 con chung tên Nguyễn Thị Bảo T1, sinh ngày 11/9/2015, hiện đang sống với chị N và cháu T1 có nguyện vọng được sống với chị N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; Về tài sản chung: Chi Nhung và anh T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; Về nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Cẩm N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T, yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thị Bảo T1, sinh ngày 11/9/2015 ngoài ra không có yêu cầu gì khác nên quan hệ pháp luật được xác định là "Lytranh chấp nuôi con khi ly hôn". Bị đơn Nguyễn Văn T có địa chỉ cư trú tại xã L, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tốtụng dân sự.

Chị Lê Thị Cẩm N và anh Nguyễn Văn T đã triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N và anh T.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T cưới nhau năm 2014 và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 074 ngày 20/5/2015 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Chị N trình bày vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian dài thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hợp nhau, tình cảm vợ chồng không còn đầm ấm, hiện vợ chồng không còn sống chung. Xét thấy, tình cảm của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T cũng trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với chị N.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Cẩm N đối với anh Nguyễn Văn T.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bảo T1, sinh ngày 11/9/2015 hiện nay đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, chị N yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu T1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T2 đồng ý giao cháu T1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy cháu T1 hiện nay đang do chị N nuôi dưỡng, đồng thời cháu T1 cũng có văn bản ý kiến yêu cầu được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn, không yêu cầu cha cấp dưỡng. Do đó, để ổn định cuộc sống cho con chung. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Thị Bảo T1, sinh ngày 11/9/2015 cho chị N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh T2 không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Chị N và anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung của vợ chồng chị N và anh T2 trong vụ kiện này.

[2.5] Về nợ chung: Chị N và anh T2 trình bày vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Cẩm N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[3] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở, nên được xem xét chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị Mai T3 và anh Ngô Văn T4 được quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Cẩm N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Bảo T1, sinh ngày 11/9/2015 (hiện do chị N đang nuôi dưỡng) cho chị Lê Thị Cẩm N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Cẩm N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 0006256 ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Cẩm N và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSNDKV 7 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã L, tỉnh Đồng Tháp (CNKH số 074 ngày 20/5/2015) (biết);
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Nhựt Minh